

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bồ Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lược.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: tổ A, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1970. Địa chỉ: tổ A, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, trình bày:

Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị H tự tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn), huyện B, tỉnh Bình Dương vào năm 2002.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Khoảng vài năm gần đây, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không lo làm ăn. Đến nay, vợ chồng đã ly thân nhiều tháng, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn càng ngày nghiêm trọng kéo dài, không thể hàn gắn lại với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung: Lê Thị Phước X, sinh năm 1997 và Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/02/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, đối với cháu Lê Thị Phước X, sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Lê Thị

Phương T, sinh ngày 22/02/2009, yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Lê Văn D có đơn xin vắng mặt trình bày:*

Ông D thống nhất với bà H là tự tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Khoảng vài năm gần đây, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn cũng do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống, vợ không trung thực, che giấu chồng. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn càng ngày nghiêm trọng kéo dài, không thể hàn gắn lại với nhau nên ông D đồng ý ly hôn.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 02 con chung tên Lê Thị Phước X, sinh năm 1997 và Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/02/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, đối với cháu Lê Thị Phước X, sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/02/2009, yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. Ông D không đồng ý.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Việc các đương sự có đơn xin xét xử giải quyết vắng mặt căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và xin nuôi 01 con chung Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/02/2009 của nguyên đơn, buộc ông D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn D hiện có nơi cư trú tại xã Đ, thuộc huyện B nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc các đương sự có đơn xin xét xử giải quyết vắng mặt căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H với ông Lê Văn D sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và một hoặc cả

hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà H khai, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống nguyên nhân do kinh tế, vợ chồng lời qua tiếng lại nhiều lần, bất đồng về quan điểm sống, ông D không tôn trọng vợ, căng thẳng kéo dài. Do mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng nên bà H đã bỏ đi sống riêng. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn để được tự do làm ăn, sinh sống, nuôi con.

[4] Qua thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và theo biên bản xác minh đối với Hội LHPN xã Đ, HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân phải bắt đầu từ sự tự nguyện của vợ chồng, cả ông và bà không có giải pháp nào để đoàn tụ, vợ chồng hiện không còn sống chung. Như vậy, về tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn tồn tại. Xét về mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, nên HĐXX chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông D là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 55, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con:

Vợ chồng có 02 con chung, sau khi ly hôn xét điều kiện của bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn D và ý kiến của con chung, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, đối với cháu Lê Thị Phước X, sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/02/2009, yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. HĐXX quyết định giao bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/02/2009, buộc ông D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 71; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn D.

- Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc xin nuôi dưỡng cháu Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/02/2009 sau khi ly hôn, buộc ông Lê Văn D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con 18 tuổi.

Ông D và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0004061 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên; (1)
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên; (1)
- Các đương sự; (02)
- Lưu: HSVA, VP (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

